

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST.

Ngày: 28/6/2018

V/v: “Kiện tranh chấp hợp

Mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thơ.

2. Ông Ngô Văn Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2017/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc: “Kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964 và bà Phan Thị Nh sinh năm 1967 (đều có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: anh Trần Đăng C sinh năm 1977 và chị Đỗ Thị Xuân Th sinh năm 1976 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Nh trình bày: Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2015 vợ chồng anh Trần Đăng C và chị Đỗ Thị Xuân Th thường xuyên mua cám của vợ chồng tôi để phục vụ chăn nuôi. Đến ngày 10/01/2015 hai bên đối chiếu lại công nợ thì vợ chồng anh C, chị Th còn nợ lại vợ chồng tôi số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và tự tay viết lại giấy nợ ngày 10/01/2015 (10/1/215), hai bên C thỏa Thân miệng với nhau là cuối năm sẽ trả. Tuy nhiên đã quá thời hạn trả nợ nhưng đến nay vợ chồng anh C, chị Th vẫn chưa trả được. Vì vậy ông bà đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã K giải quyết. Tại biên bản hòa giải lập ngày 07 tháng 9 năm 2017 của UBND xã K chị Th thừa nhận số nợ trên nhưng hai bên không thống nhất được thời gian trả nợ. Vì vậy, nay vợ chồng tôi khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Trần Đăng C, bà Đỗ Thị Xuân Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng tôi số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Tại bản tự khai lập ngày 16 tháng 11 năm 2017 chị Nguyễn Thị Xuân Th trình bày: Từ năm 2014 đến năm 2015 chị thường xuyên mua cám của vợ chồng ông K, bà Nh để phục vụ việc chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Trong suốt thời gian buôn bán với vợ chồng bà Nh thì chị Th còn nợ lại vợ chồng bà Nh khoảng 60.000.000đ và hiện nay đã trả xong, do các lần trả nợ không viết giấy tờ và cũng không có người làm chứng. Đối với giấy nhận nợ lập ngày 10/01/2015 và chữ ký và chữ viết trong giấy nợ này không phải do chị Th viết và ký ra. Vì vậy chị Th không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phản tranh luận: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Nh yêu cầu anh Trần Đăng C và chị Đỗ Thị Xuân Th có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 8.000.000đ tiền nợ và 3.600.000 đ tiền lệ phí giám định chữ ký.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Đăng C và chị Đỗ Thị Xuân Th đều đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 429, 432, 438, khoản 1 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng anh Trần Đăng C và chị Đỗ Thị Xuân Th có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Nh 8.000.000 đồng tiền nợ, về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, buộc bị đơn anh Trần Đăng C và chị Đỗ Thị Xuân Th có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn 3.600.000 đ tiền chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K bà Phan Thị Nh khởi kiện yêu cầu chị Đỗ Thị Xuân Th, anh Trần Đăng C có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk trả số tiền 8.000.000đ. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ khởi kiện đề ngày 11/10/2017, bà Phan Thị Nh, ông Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Đỗ Thị Xuân Th, ông Trần Đăng C trả số tiền 8.000.000 đ xuất phát từ hợp đồng mua bán tài sản mà hai bên giao kết trước đó nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trần Đăng C và chị Đỗ Thị Xuân Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Nh, ông Nguyễn Văn K yêu cầu vợ chồng anh Trần Đăng C và chị Đỗ Thị Xuân Th trả số tiền 8.000.000 đồng, Hội

đồng xét xử nhận thấy: Xuất phát từ việc mua bán cám chăn nuôi, cụ thể trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2015, bị đơn thường xuyên mua cám của nguyên đơn để phục vụ mục đích chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Đến ngày 10/01/2015 các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ thì chị Đỗ Thị Xuân Th xác nhận còn nợ vợ chồng bà Phan Thị Nh, ông Nguyễn Văn K số tiền 8.000.000 đồng, đồng thời viết giấy xác nhận nợ lập ngày 10/01/2015 là hoàn toàn thực tế.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Thị Xuân Th không thừa nhận số nợ này mà cho rằng trong quá trình mua bán chị Th có nợ vợ chồng bà Nh, ông K khoảng 60.000.000 đ, số nợ này chị đã thanh toán đầy đủ cho vợ chồng bà Nh, mặt khác chị Th cũng không thừa nhận chữ ký và chữ viết của mình trong giấy nhận nợ lập ngày 10/01/2015 mà bà Nh làm chứng cứ khởi kiện. Tuy nhiên chị Th không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh cho việc trả nợ. Căn cứ vào kết luận giám định số 32/ PC54 ngày 13/ 3/ 2018 của phòng Kỹ Thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Thị Xuân Th trong giấy nhận nợ lập ngày 10/01/2015 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Thị Xuân Th trong bản tự khai đề ngày 16/11/2017 và chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Thị Xuân Th dưới mục “người nhận” trong biên bản giao đề ngày 27/10/2017 là do cùng một người ký và viết ra. Mặt khác, tại biên bản hòa giải lập ngày 07/9/2017 của ủy ban nhân dân xã K thì chị Th cũng đã thừa nhận có nợ vợ chồng bà Nh 8.000.000đ. Do vậy lời khai của chị Th là không có cơ sở.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu anh Trần Đăng C là chồng của chị Đỗ Thị Xuân Th C nghĩa vụ liên đới trả nợ, HĐXX xét thấy: Mặc dù Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh C, nhưng qua lời khai của chị Th thì số nợ trên xuất phát từ việc chị Th mua cám của ông K, bà Nh mục đích để chăn nuôi phục vụ lợi ích kinh tế chung của gia đình. Do đó xác định đây là số nợ chung của vợ chồng chị Th và anh C. Vì vậy áp dụng Điều 27 luật Hôn nhân và Gia đình để buộc anh Trần Đăng C có nghĩa vụ liên đới với chị Th trong việc trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Việc vợ chồng chị Th không trả đủ số tiền mua cám cho vợ chồng ông K, bà Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại khoản 1 Điều 438, BLDS năm 2005.

Tại khoản 1 Điều 438 BLDS 2005 quy định: *“Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và địa điểm đã, nếu không có thỏa Thận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản”*

Vì vậy, buộc vợ chồng anh Trần Đăng C và chị Đỗ Thị Xuân Th trả cho ông Nguyễn Văn K, bà Phan Thị Nh 8.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở pháp luật. Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về chi phí giám định: Do bị đơn chị Đỗ Thị Xuân Th không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ, vợ chồng bà Nh, ông K có đơn yêu cầu giám định và đã nộp tiền lệ phí giám định chữ ký, chữ viết là 3.600.000đ. Căn cứ khoản 2 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, buộc chị Th, anh C phải trả cho ông K, bà Nh số tiền 3.600.000 đ tiền chi phí giám định.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc chị Đỗ Thị Xuân Th, anh Trần Đăng C phải chịu 400.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn chị Phan Thị Nh, anh Nguyễn Văn K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 428, 432, khoản 1 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Nh và ông Nguyễn Văn K. Buộc vợ chồng chị Đỗ Thị Xuân Th, anh Trần Đăng C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Nh và ông Nguyễn Văn K số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về chi phí giám định: Buộc Chị Đỗ Thị Xuân Th, ông Trần Đăng C phải trả cho ông K, bà Nh số tiền 3.600.000 đ tiền lệ phí giám định.

Về án phí: Buộc chị Đỗ Thị Xuân Th, anh Trần Đăng C phải chịu 400.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Phan Thị Nh, ông Nguyễn Văn K được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0002393 ngày 17 tháng 10 năm 2017.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị Nh, ông Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Đỗ Thị Xuân Th, anh Trần Đăng C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục T.H.A DS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Long